

Số: 66 /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 287/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không.
- Thông tư này áp dụng đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo dưỡng công trình hàng không* là hoạt động được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình hàng không ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình.

2. *Chủ quản lý, sử dụng công trình hàng không* được quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 207/2026/NĐ-CP) trừ doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được quy định tại khoản 6 Điều này.

3. *Công trình hàng không* là các công trình tại cảng hàng không, bao gồm các công trình quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh (sau đây gọi là Nghị định số 205/2026/NĐ-CP) được phân loại như sau:

a) *Công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý* là các công trình thuộc danh mục tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (bao gồm cả tài sản quốc phòng, an ninh được giao cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng sử dụng vào mục đích lưỡng dụng) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (sau đây gọi là Nghị định số 278/2026/NĐ-CP) và điểm a khoản 6 Điều 42 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

b) *Công trình hàng không khác* là các công trình hàng không quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP trừ công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý quy định tại điểm a khoản này.

4. *Công tác khác* là nội dung được xác định theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không bao gồm các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn công trình; lập kế hoạch bảo trì hàng năm; lập, thẩm tra (trường hợp chưa có quy trình bảo trì) hoặc điều chỉnh quy trình bảo trì; xây dựng định mức dự toán cho công tác bảo trì công trình hàng không chưa có trong hệ thống định mức; mua sắm vật tư dự phòng; các công việc liên quan đến xử lý công trình, tài sản hàng không để thực hiện đảm bảo an toàn, an ninh hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không và công tác quản lý của chủ sở hữu, chủ sử dụng công trình.

5. *Cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không* là tập hợp các thông tin về công trình và lịch sử bảo trì công trình được cập nhật, khai thác sử dụng trên hệ thống thông tin quản lý công trình hàng không và là một phần của cơ sở dữ liệu hàng không dân dụng theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 221/2026/NĐ-CP của Chính phủ về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không.

6. *Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng* là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP và tài sản quốc phòng, an

ninh được khai thác vào mục đích lưỡng dụng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 42 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

7. *Kiểm tra công trình hàng không* là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dùng để đánh giá hiện trạng công trình hàng không nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình để có biện pháp xử lý kịp thời. Kiểm tra công trình hàng không bao gồm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

8. *Sửa chữa công trình hàng không* là việc khắc phục, khôi phục, thay thế những hư hỏng của bộ phận công trình, thiết bị, cấu kiện công trình hay toàn bộ công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình và an toàn hàng không. Sửa chữa công trình hàng không bao gồm:

a) *Sửa chữa định kỳ công trình hàng không* là sửa chữa hư hỏng, thay thế hoặc bổ sung bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy trình bảo trì công trình hàng không và kế hoạch bảo trì công trình hàng không được duyệt;

b) *Sửa chữa đột xuất công trình hàng không* là việc sửa chữa hư hỏng, thay thế hoặc bổ sung bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện khi bộ phận công trình, hạng mục công trình, thiết bị công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp: sự cố tàu bay, phương tiện hoạt động trên khu bay; hoặc khi bộ phận công trình, hạng mục công trình, thiết bị công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Điều 3. Yêu cầu chung về quản lý, bảo trì công trình hàng không

1. Công trình hàng không sau khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng phải được quản lý, bảo trì theo quy định tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP, Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý ngoài việc tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này còn phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 287/2025/NĐ-CP.

3. Công trình hàng không được theo dõi, quản lý chặt chẽ về tình trạng kỹ thuật. Đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, yêu cầu quản lý và theo dõi kỹ thuật phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Lập sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này hoặc quản lý thông qua các hồ sơ, tài liệu, cơ sở dữ liệu số hóa có đầy đủ thông tin kỹ thuật của công trình;

b) Tổ chức kiểm tra hiện trạng và lập biên bản xác nhận hiện trạng hư hỏng công trình (hoặc dấu hiệu hư hỏng công trình) giữa Cảng vụ hàng không và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này trước khi lập kế hoạch nhu cầu bảo trì.

4. Công tác bảo trì công trình tuân thủ kế hoạch bảo trì hàng năm, quy trình bảo trì đã được phê duyệt và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Việc quản lý, bảo trì công trình để bảo đảm duy trì thời hạn sử dụng theo thiết kế, an toàn khai thác, an ninh, an toàn hàng không, an toàn cho người và tài sản, công trình, đồng thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

Điều 4. Quy trình bảo trì

1. Quy trình bảo trì công trình hàng không được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Việc lập, phê duyệt và điều chỉnh quy trình bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định sau:

a) Đối với công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì, tổ chức kiểm định chất lượng công trình làm cơ sở để lập quy trình bảo trì nếu cần thiết. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình;

b) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng điều chỉnh quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP;

c) Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì trong trường hợp nâng cấp, mở rộng, cải tạo công trình.

Điều 5. Kế hoạch bảo trì công trình hàng không

1. Đối với công trình hàng không khác, kế hoạch bảo trì được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, kế hoạch bảo trì bao gồm:

- a) Kế hoạch nhu cầu;
- b) Kế hoạch quản lý, bảo trì.

3. Việc lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch nhu cầu đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được thực hiện như sau:

a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật của công trình; sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình hoặc các hồ sơ, tài liệu, cơ sở dữ liệu khác có đầy đủ thông tin về tình trạng kỹ thuật của công trình; biên bản xác nhận hiện trạng hư hỏng công trình đã lập theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư này; quy trình bảo trì (nếu có); hệ thống định mức xây dựng được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc các định mức được vận dụng, tính toán, điều chỉnh theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 6 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn áp dụng; mức độ ưu tiên được quy định tại điểm b khoản này, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập kế hoạch nhu cầu cho năm kế hoạch nhằm đảm bảo an toàn công trình trong quá trình khai thác;

b) Mức độ ưu tiên được xác định như sau:

Mức 1: công tác bảo dưỡng thường xuyên; các công việc thuộc kế hoạch quản lý, bảo trì năm trước chưa thực hiện xong phải chuyển tiếp sang năm kế hoạch; sửa chữa các hạng mục, công trình đã xuất hiện hư hỏng đến mức phải tiến hành bảo trì để ngăn chặn việc phát sinh thêm hư hỏng, bảo đảm an toàn khai thác; mua sắm vật tư dự phòng;

Mức 2: sửa chữa các hạng mục, công trình có dấu hiệu hư hỏng để duy trì trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh hư hỏng;

Mức 3: thực hiện sửa chữa định kỳ theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, quy trình bảo trì, tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất;

Mức 4: sửa chữa các hạng mục, công trình để nâng cao năng lực khai thác.

c) Kế hoạch nhu cầu gồm các nội dung liên quan đến việc thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, công tác khác được lập theo Phụ

lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Thành phần hồ sơ trình kế hoạch nhu cầu gồm: tờ trình theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; biên bản xác nhận hiện trạng hư hỏng công trình giữa Cảng vụ hàng không và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng;

đ) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập kế hoạch nhu cầu của năm kế hoạch, trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định trước ngày 15 tháng 5 của năm trước năm kế hoạch;

e) Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định kế hoạch nhu cầu; yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định và gửi lại để Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt trước ngày 15 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch. Nội dung thẩm định bao gồm: kiểm tra sự cần thiết bảo trì và danh mục bảo trì thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý; quy trình bảo trì được áp dụng; cơ sở xác định khối lượng và chi phí bảo trì; mức độ ưu tiên;

g) Trên cơ sở kế hoạch nhu cầu được phê duyệt, Bộ Xây dựng tổng hợp dự toán kinh phí quản lý, bảo trì vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch.

4. Căn cứ kế hoạch nhu cầu được Bộ Xây dựng phê duyệt, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng, dự toán bảo trì đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, phê duyệt trước ngày 20 tháng 11 của năm trước năm kế hoạch, làm cơ sở lập kế hoạch quản lý, bảo trì.

5. Việc lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được thực hiện như sau:

a) Trên cơ sở thông báo của Bộ Xây dựng về dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động kinh tế hàng không và các quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự toán bảo trì, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng rà soát và lập kế hoạch quản lý, bảo trì của năm kế hoạch, đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí được bố trí và trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định trước ngày 01 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch;

b) Nội dung, thành phần hồ sơ của kế hoạch quản lý, bảo trì theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều này;

c) Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định kế hoạch quản lý, bảo trì; yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định và gửi lại để Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt trước ngày 10 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch. Nội dung thẩm định: mức độ ưu tiên đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí được bố trí;

d) Bộ Xây dựng phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì trước ngày 25 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch.

6. Điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý:

a) Kế hoạch quản lý, bảo trì được điều chỉnh trong quá trình thực hiện để phù hợp với tình trạng kỹ thuật thực tế của công trình;

b) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập hồ sơ điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì và trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định trước ngày 01 tháng 10 của năm kế hoạch;

c) Thành phần hồ sơ, nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì điều chỉnh bao gồm tờ trình theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và thuyết minh nêu rõ nội dung điều chỉnh, lý do, sự cần thiết phải điều chỉnh;

d) Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định và gửi lại để Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì trước ngày 15 tháng 10 của năm kế hoạch;

đ) Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì trước ngày 31 tháng 10 của năm kế hoạch.

Điều 6. Thực hiện bảo trì công trình hàng không

1. Công trình hàng không được thực hiện bảo trì theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được thực hiện như sau:

a) Trường hợp công tác bảo dưỡng thường xuyên do doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tự tổ chức thực hiện, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác

cảng lập biên bản nghiệm thu công tác bảo dưỡng theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Việc thực hiện sửa chữa đột xuất theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phối hợp với Cảng vụ hàng không xác nhận hiện trạng hư hỏng đột xuất; chịu trách nhiệm quyết định biện pháp sửa chữa và tổ chức sửa chữa đột xuất;

c) Trong quá trình thực hiện bảo trì, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Điều 20 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Quan trắc công trình hàng không

1. Quan trắc công trình hàng không được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Ngoài các công trình phải thực hiện quan trắc theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP, danh mục công trình hàng không phải thực hiện quan trắc để phục vụ công tác bảo trì công trình hàng không bao gồm: đường cất hạ cánh; công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa; khu kỹ thuật máy bay (hangar); kho hàng hóa có cấp công trình từ cấp I trở lên; các công trình kết cấu nhịp lớn dạng khung cấp đặc biệt; đài kiểm soát không lưu có cấp công trình từ cấp I trở lên.

3. Việc quan trắc phục vụ công tác bảo trì công trình hàng không được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 32/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Chủ quản lý, sử dụng công trình hàng không và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm tổ chức thực hiện quan trắc công trình hàng không theo quy định tại Điều này.

Điều 8. Quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình hàng không

1. Quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình hàng không được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Ngoài quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP, tài liệu phục vụ công tác bảo trì công trình hàng không bao gồm:

a) Tài liệu khai thác công trình hoặc tài liệu khai thác sân bay đối với công trình có quy định phải lập tài liệu khai thác công trình hoặc tài liệu khai thác sân bay theo quy định của pháp luật về cảng hàng không và bãi cất hạ cánh;

b) Sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình hoặc các hồ sơ, tài liệu, cơ sở dữ liệu khác có đầy đủ thông tin về tình trạng kỹ thuật của công trình đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý;

c) Quyết định bàn giao tài sản (nếu có) và hồ sơ bàn giao tài sản, quản lý đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Chi phí bảo trì công trình hàng không

1. Chi phí bảo trì công trình hàng không được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Xác định chi phí bảo trì công trình hàng không được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.

Điều 10. Báo cáo việc thực hiện quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý

1. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng báo cáo Cục Hàng không Việt Nam kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì định kỳ như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình;

b) Nội dung báo cáo phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau: nhiệm vụ thực hiện; khối lượng, kinh phí được Bộ Xây dựng phê duyệt hoặc điều chỉnh trong kế hoạch quản lý, bảo trì; chất lượng thực hiện; khối lượng hoàn thành; giá trị đã giải ngân; đề xuất, kiến nghị (nếu có);

c) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam;

d) Phương thức gửi, nhận báo cáo: trên môi trường điện tử;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo năm kế hoạch;

e) Tần suất thực hiện báo cáo: 01 lần trong năm;

g) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm kế hoạch;

h) Biểu mẫu báo cáo theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì về Bộ Xây dựng định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi Bộ Xây dựng yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau:

- a) Tên báo cáo: báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình;
- b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư;
- c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: trên môi trường điện tử;
- d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm;
- đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 25 tháng 02 của năm tiếp theo năm kế hoạch;
- e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm kế hoạch.

Chương III

ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Điều 11. Đánh giá an toàn công trình hàng không

1. Đánh giá an toàn công trình hàng không được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP và Thông tư số 33/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với các công trình thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng.

2. Ngoài quy định tại Điều 40 Nghị định 207/2026/NĐ-CP, việc đánh giá an toàn công trình hàng không được thực hiện như sau:

- a) Trong quá trình khai thác, sử dụng, đường cất hạ cánh phải được xác định chỉ số phân cấp mặt đường, hệ số ma sát mặt đường; đường lăn và sân đỗ tàu bay phải được xác định chỉ số phân cấp mặt đường để đánh giá định kỳ về an toàn công trình;
- b) Đánh giá lần đầu đối với đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay thực hiện khi công trình được xây dựng, nâng cấp, cải tạo và đưa vào khai thác;
- c) Tần suất đánh giá các lần tiếp theo đối với đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 6 Thông tư số 52/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình hàng không

1. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình hàng không được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm tổ chức đánh giá an toàn công trình.

Chương IV

XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM, CÔNG TRÌNH HẾT THỜI HẠN SỬ DỤNG

Điều 13. Xử lý đối với công trình hàng không có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

1. Xử lý đối với công trình hàng không có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, việc xử lý đối với công trình hàng không có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng được thực hiện như sau:

a) Chủ quản lý, sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thông báo cho Cảng vụ hàng không và Cục Hàng không Việt Nam;

b) Trường hợp công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý cần khắc phục, sửa chữa đột xuất để bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục của cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Trường hợp công trình hàng không có nguy cơ gây mất an toàn phải dừng khai thác cảng hàng không hoặc dừng khai thác công trình, một phần công trình, chủ quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm báo cáo Cảng vụ hàng không, Cục Hàng không Việt Nam để triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

Điều 14. Xử lý công trình hàng không hết thời hạn sử dụng theo thiết kế

1. Thời hạn sử dụng của công trình hàng không theo thiết kế được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Đối với công trình hàng không đã sử dụng lâu năm, không có hồ sơ thiết kế hoặc có hồ sơ thiết kế nhưng không xác định thời hạn sử dụng thì chủ quản lý, sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình hoặc đánh giá an toàn công trình và xác định thời hạn tiếp tục sử dụng công trình.

3. Việc xử lý công trình hàng không hết thời hạn sử dụng theo thiết kế được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

4. Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này, đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng báo cáo Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 43 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP. Cục Hàng không Việt Nam đánh giá, báo cáo Bộ Xây dựng để Bộ Xây dựng có ý kiến gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo quy định tại khoản 9 Điều 43 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm quản lý và bảo trì công trình hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam:

a) Tổ chức kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý định kỳ tối thiểu 01 lần trong 02 năm; kiểm tra đột xuất khi phát hiện công trình có dấu hiệu mất an toàn, xảy ra sự cố, hư hỏng lớn hoặc theo chỉ đạo của Bộ Xây dựng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đối với các công trình hàng không khác, tổ chức kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch bảo trì định kỳ tối thiểu 01 lần trong 03 năm hoặc kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu;

b) Thực hiện các chức năng của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng đối với các dự án bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý;

c) Tổ chức giám sát các hoạt động bảo trì công trình hàng không tuân thủ phương án đảm bảo an ninh, an toàn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng:

a) Tổ chức kiểm tra, theo dõi định kỳ chất lượng công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý trong quá trình khai thác, sử dụng; thực hiện sửa chữa những hư hỏng để duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định của công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, bảo đảm an toàn công trình, an toàn hàng không;

b) Chịu trách nhiệm về sự cố hoặc xuống cấp của công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý do không thực hiện bảo trì theo quy định;

c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý;

d) Báo cáo kê khai, thực hiện nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không theo quy định.

3. Chủ quản lý, sử dụng công trình hàng không:

a) Tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình hàng không khác do mình quản lý, bảo đảm an toàn khai thác và hoạt động vận tải hàng không thông suốt theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hoặc xuống cấp của công trình hàng không khác do không thực hiện bảo trì theo quy định;

c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình hàng không khác;

d) Kê khai, thực hiện nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không khác theo quy định.

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý:

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung) và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì năm 2026 được tiếp tục áp dụng theo các quy định pháp luật về quản lý, bảo trì công trình hàng không có hiệu lực trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành;

b) Các hạng mục, công trình sửa chữa đã được phê duyệt dự án, dự toán trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng để làm cơ

sở lập, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch quản lý, bảo trì mà không phải thực hiện thẩm định, phê duyệt lại theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không khác: các kế hoạch bảo trì đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt. Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung hoặc phát sinh các công việc mới kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì nội dung điều chỉnh, bổ sung, phát sinh đó phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Thông tư này thay thế Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng không; Thông tư số 56/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện và chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (BTP);
- Bộ Xây dựng: Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Cục HKVN.





Phụ lục I

MẪU SỔ THEO DÕI TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ ⁽¹⁾

(Ban hành kèm theo Thông tư số 66./2026/TT-BXD ngày 24 tháng 8.. năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Mẫu bìa sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH
KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ
Quyển số:

Đơn vị quản lý, khai thác công trình.....

Tên công trình:

Thời gian bắt đầu:/...../.....

Hết quyển ngày:/...../.....

....., năm 20

(1) Mẫu này được thực hiện theo hình thức tài liệu giấy hoặc tài liệu điện tử. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có hệ thống quản lý tài sản có đầy đủ các thông tin cơ bản theo mẫu này thì không phải lập sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Nội dung ghi sổ theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình

Phần I. Mục đích, yêu cầu

1. Theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình nhằm mục đích phát hiện kịp thời những hư hỏng, vi phạm hoặc sự cố xảy ra để nhanh chóng khắc phục, tránh những hậu quả xấu làm thiệt hại đến công trình và làm mất an ninh, an toàn cho các hoạt động khai thác vận tải hàng không. Sổ theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình là tài liệu phục vụ công tác quản lý, bảo trì công trình và được ghi chép đầy đủ và lưu trữ tại đơn vị quản lý, khai thác công trình.

2. Cá nhân có trách nhiệm phải ghi chép, phản ánh đầy đủ mọi tình trạng, sự cố xảy ra đối với công trình theo nhiệm vụ được giao, ghi ý kiến nếu có và ký tên dưới ý kiến đề xuất, báo cáo.

3. Lãnh đạo bộ phận được giao nhiệm vụ kiểm tra, theo dõi trạng thái kỹ thuật công trình kiểm tra nội dung ghi chép trong sổ vào cuối ngày của đợt kiểm tra và ghi ý kiến xử lý, đồng thời ký tên dưới ý kiến xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền trong trường hợp vượt thẩm quyền xử lý.

4. Nội dung ghi chép trong sổ này là một trong các căn cứ để đánh giá chất lượng công tác bảo trì công trình.

5. Các nội dung khác theo nhu cầu quản lý của người quản lý, khai thác công trình.

Phần II. Hướng dẫn nội dung ghi trong sổ theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình

Bao gồm các nội dung chính sau:

1. Nội dung ghi trong sổ theo dõi, kiểm tra gồm:

a) Người thực hiện theo dõi, kiểm tra;

b) Thời gian theo dõi, kiểm tra;

c) Khu vực kiểm tra;

d) Kết quả kiểm tra: Ghi kết quả theo dõi, kiểm tra về tình trạng của công trình, mô tả các điểm, dấu hiệu bất thường được phát hiện ra (như vị trí phát hiện điểm bất thường, dấu hiệu phát hiện hư hỏng hoặc đã hư hỏng có phát triển và các trường hợp hư hỏng khác nếu có).

đ) Kết quả bảo trì: ghi kết quả đã được bảo trì để khắc phục các điểm bất thường, dấu hiệu phát hiện hư hỏng hoặc đã hư hỏng có phát triển và các trường hợp hư hỏng khác nếu có;

e) Nội dung theo dõi, kiểm tra được lập theo mẫu sau:

Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra			Mô tả chi tiết các điểm, dấu hiệu bất thường	Hoàn thành việc bảo trì và khắc phục các điểm, dấu hiệu bất thường ⁽¹⁾
	Đạt	Không đạt	Không áp dụng		

2. Việc ghi chép phải thực hiện trong khi tiến hành kiểm tra.

3. Nội dung ghi chép phải mạch lạc, rõ ràng, tỉ mỉ, chính xác, nhân viên thực hiện kiểm tra phải ký tên ở phía dưới.

4. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng:

a) Tự quyết định số trang của sổ theo dõi, kiểm tra và đóng dấu giáp lai và có thể bổ sung nội dung yêu cầu khác trong sổ này nếu có nhu cầu;

b) Kiểm tra quy trình bảo trì công trình để đảm bảo sự đồng bộ, tránh chồng chéo nội dung; trường hợp cần thiết, quy định bảng mẫu trên trong quy trình bảo trì công trình.

5. Trường hợp áp dụng sổ theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình dạng điện tử, người quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm ban hành quy trình quản lý, sử dụng sổ điện tử.

(1) Mô tả thông tin và thời gian được bảo trì, hoàn thành khắc phục các điểm, dấu hiệu bất thường



Phụ lục II

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 66./2026/TT-BXD ngày 24 tháng 8. năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ

Căn cứ Thông tư số:/2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày... tháng... năm...., tại,
chúng tôi xác nhận hiện trạng công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước
đầu tư, quản lý như sau:

A. THÀNH PHẦN

1. Đại diện Cảng vụ hàng không⁽¹⁾:

Ông (Bà): Chức vụ:
.....

Ông (Bà): Chức vụ:
.....

Ông (Bà): Chức vụ:
.....

2. Đại diện doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng⁽²⁾:

Ông (Bà):Chức vụ:
.....

Ông (Bà):Chức vụ:
.....

B. NỘI DUNG

1. Ghi nhận hiện trạng công trình/hạng mục công trình/thiết bị như sau:

TT	Tên công trình/hạng mục công trình/thiết bị	Tình trạng ⁽³⁾	Ghi chú ⁽⁴⁾
1			
2			
3			
4			
5			

2. Ý kiến khác của các bên tham gia (nếu có)

.....

ĐẠI DIỆN

CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN

**DOANH NGHIỆP KINH DOANH,
KHAI THÁC CẢNG**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Ghi cụ thể tên đại diện Cảng vụ hàng không.

(2) Ghi cụ thể tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng.

(3) Ghi tình trạng hư hỏng, xuống cấp của công trình/hạng mục công trình/thiết bị. Việc kiểm tra, xác nhận hiện trạng thiết bị/công trình được thực hiện bằng trực quan hoặc các thiết bị đo lường thông thường (như thước đo..., không sử dụng các thiết bị chuyên sâu). Nội dung xác nhận chỉ bao gồm: ghi nhận lại hiện trạng của thiết bị/công trình và các biến dạng, hư hỏng phổ biến nếu có như ổ gà, nứt rạn, lún lõm, khe co giãn, tình trạng thoát nước mặt đường/mương/cống...trên bề mặt đường hoặc công trình (không xác nhận hoặc kết luận công trình có cần/không cần bảo trì công trình, không đưa ra phương án bảo trì và kinh phí sửa chữa).

(4) Nêu rõ các tài liệu, các nội dung cần chú ý hoặc kèm theo Biên bản như hình ảnh thực tế, các báo cáo hoặc phản ánh của người, tổ chức hoạt động tại cảng hàng không liên quan đến chất lượng công trình, thiết bị, làm ảnh hưởng đến an toàn bay.



Phụ lục III

MẪU TỜ TRÌNH

**KẾ HOẠCH NHU CẦU/KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH
KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66./2026/TT-BXD ngày 24 tháng 8.. năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch (nhu cầu) quản lý, bảo trì công trình
kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý năm ...(1)...**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Thực hiện quy định về bảo trì công trình, ...(2)... trình thẩm định, phê
duyet kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà
nước đầu tư, quản lý năm ...(1)... như sau:

1. Căn cứ

...(3)...

2. Kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì năm trước

...(4)...

3. Cơ cấu bố trí kinh phí kế hoạch

...(5)...

4. Nội dung kế hoạch

...(6)...

5. Đề xuất, kiến nghị

...(7)...

Nơi nhận:

....

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

-
- (1) Ghi năm kế hoạch.
 - (2) Ghi tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trình kế hoạch bảo trì.
 - (3) Ghi đầy đủ các căn cứ làm cơ sở để xây dựng kế hoạch bảo trì bao gồm: các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; các văn bản chỉ đạo, điều hành trong quá trình thực hiện bảo trì có liên quan.
 - (4) Tóm tắt kết quả thực hiện đối với các nội dung đã và đang thực hiện kế hoạch bảo trì của năm trước.
 - (5) Thuyết minh mục tiêu hướng tới và nguyên tắc cơ cấu bố trí kinh phí trong kế hoạch để bảo đảm phù hợp với tình trạng kỹ thuật của công trình kết cấu hạ tầng hàng không; quá trình điều tra, xác nhận khối lượng nhu cầu bảo trì.
 - (6) Thuyết minh kế hoạch (nhu cầu), trong đó nêu tình trạng kỹ thuật của công trình, sự cần thiết phải bảo trì, quy trình bảo trì, định mức dự toán, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và chi phí bảo trì, mức độ ưu tiên.
 - (7) Nêu rõ đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng.



Phụ lục IV

**KẾ HOẠCH NHU CẦU/KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH
KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66./2026/TT-BXD ngày 24 tháng 8.. năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**KẾ HOẠCH NHU CẦU/KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH
KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ
NĂM ...**

(Kèm theo Tờ trình số ... ngày ... của...)

TT	Tên công trình, hạng mục công trình/ hạng mục công việc thực hiện	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Quy mô, giải pháp bảo trì	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bảo dưỡng thường xuyên								
1.1	Chi phí thực hiện bảo dưỡng								
1.2	Chi phí khác								
1.3	Chi phí dự phòng (nếu có)								
2	Sửa chữa định kỳ								
2.1	Chi phí thực hiện sửa chữa								
2.2	Chi phí khác								
2.3	Chi phí dự phòng (nếu có)								
3	Công tác khác								
3.1	Quản lý công trình								
3.2	Kiểm tra								
3.3	Quan trắc (nếu có)								
3.4	Kiểm định chất lượng (nếu có)								

3.5	Đánh giá an toàn công trình (nếu có)								
3.6	Lập kế hoạch bảo trì hàng năm								
3.7	Lập, thẩm tra hoặc điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng (nếu có)								
3.8	Vật tư dự phòng								
									
	TỔNG								

Diễn giải, thuyết minh:

Cột (5) Kinh phí thực hiện được xác định như sau:

a) Kinh phí bảo dưỡng thường xuyên: căn cứ khối lượng công việc cần bảo dưỡng thường xuyên; định mức công tác bảo dưỡng thường xuyên; suất chi phí bảo dưỡng thường xuyên; các quy định lập, quản lý chi phí xây dựng công trình và quy định lập, quản lý chi phí bảo trì của cơ quan thẩm quyền;

b) Kinh phí sửa chữa định kỳ: căn cứ khối lượng cần thực hiện dự kiến, định mức dự toán do cơ quan thẩm quyền ban hành; quy định về lập, quản lý chi phí xây dựng của cơ quan có thẩm quyền; kinh phí đã bố trí lũy kế đến năm xây dựng kế hoạch đối với công trình chuyển tiếp; hoặc ước tính theo suất đầu tư sửa chữa định kỳ các công trình tương tự để xác định;

c) Kinh phí công tác khác: căn cứ khối lượng cần thực hiện phù hợp quy định hiện hành về nguồn vốn bảo trì, định mức dự toán, định mức chi phí do cơ quan thẩm quyền ban hành; quy định về lập, quản lý chi phí xây dựng của cơ quan thẩm quyền để xác định.



Phụ lục V

**MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH
KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66./2026/TT-BXD ngày 24 tháng 8.. năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG

Căn cứ Thông tư số:/2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quy trình bảo trì/ Hướng dẫn sử dụng thiết bị.

Hôm nay, vào hồigiờ phút, ngày... tháng... năm...., tại,
chúng tôi xác nhận nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình kết
cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý như sau:

A. THÀNH PHẦN

1. Đại diện đơn vị thực hiện công tác bảo dưỡng⁽¹⁾:

Ông (Bà): Chức vụ:
.....

Ông (Bà): Chức vụ:
.....

Ông (Bà): Chức vụ:
.....

**2. Đại diện đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng công trình kết cấu hạ tầng
hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được bảo dưỡng⁽²⁾:**

Ông (Bà):Chức vụ:
.....

Ông (Bà):Chức vụ:
.....

B. NỘI DUNG

1. Hai bên xác nhận công tác bảo dưỡng thường xuyên các công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý chi tiết như sau:

TT	Tên công trình/hạng mục công trình/thiết bị được bảo dưỡng	Thời gian thực hiện bảo dưỡng	Nội dung bảo dưỡng	Vật tư hao phí để thực hiện công việc bảo dưỡng	Đánh giá chất lượng bảo dưỡng
1					
2					
3					
4					
5					

2. Ý kiến khác của các bên (nếu có)

.....

3. Biên bản nghiệm thu này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN

Đơn vị thực hiện công tác bảo dưỡng
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN

Đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được bảo dưỡng
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



(Ban hành kèm theo Thông tư số 66./2026/TT-BXD ngày 24 tháng 8. năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH
KẾT CẤU HA TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ NĂM ...

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

[illegible]

B	Sửa chữa định kỳ										
1											
C	Sửa chữa đột xuất										
1											
D	Công tác khác										
1											
2											
3											
											
	Tổng cộng										

Diễn giải, thuyết minh:

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cột (10) Chỉ áp dụng đối với công tác bảo trì công trình được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình thi công.
 Cột (11) Kết quả đánh giá được căn cứ tỷ lệ kinh phí đã thực hiện giải ngân trong năm kế hoạch



Phụ lục VII

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 66./2026/TT-BXD ngày 24 tháng 8. năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ NĂM ...

(Ban hành kèm theo Văn bản số ... ngày ... của Cục Hàng không Việt Nam)

Kính gửi: Bộ Xây dựng

TT	Tên đơn vị	Số Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý, bảo trì hoặc Văn bản báo cáo Kế hoạch quản lý, bảo trì năm ...	Kinh phí theo kế hoạch (triệu đồng)					Tổng kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tỷ lệ kinh phí thực hiện/ Kế hoạch (%)
			Bảo dưỡng	Sửa chữa định kỳ	Sửa chữa đột xuất	Công tác khác	Tổng kinh phí dự kiến thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)